

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DSPT

Ngày: 16/8/2019 và ngày

20/8/2019

*V/v “tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất và tài sản gắn liền trên đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương và ông Nguyễn Văn Thuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 8 năm 2019 và 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLPT - DS ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐ-PT ngày 24/7/2019; Thông báo mở lại phiên tòa số 213/TB-TA ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Xuân Q và bà Trần Thị D - có mặt.

Địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L - có mặt.

Địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trần Văn T – vắng mặt.

Địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- Bà Nguyễn Thị Y; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- Bà Trần Thị Th- có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.
- Bà Đỗ Thị Ph - có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- Ngân hàng C - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ

- Ngân hàng Q - có đơn đề nghị xử vắng mặt

Địa chỉ: Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: bị đơn ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2015 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D trình bày:

Do có quen biết nhau trong quá trình sống tại địa phương ông Nh, bà L có vay nợ của vợ chồng ông Q, bà D một số tiền và một số hộ khác nữa nên ông Nh bà L có thỏa thuận với ông bà là sẽ bán nhà đất trả nợ nên ông, bà đồng ý mua.

Ngày 02 tháng 6 năm 2018 thì giữa vợ chồng ông Q, bà D và vợ chồng ông Nh, bà L thỏa thuận lập hợp đồng viết tay với nhau. Nội dung là hai bên đồng ý thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhà ở và đất ở có chiều ngang 16m, chiều dài khoảng 50m có thổ cư 400m² tài sản gắn liền trên đất là nhà xây cấp 4 khoảng 150m², 01 nhà bếp ngang, cây cối hoa màu, tứ cận phía đông giáp anh S, phía tây giáp bà T, phía nam giáp rẫy anh B, phía bắc giáp đường nhựa liên xã.

Ngày 13/6/2016, ông Q, bà D cùng bà L đến ngân hàng Quốc tế trả số tiền bà L, ông Nh nợ ngân hàng là 800.000.000 đồng, khi về đến nhà thì ông Q có thỏa thuận viết thêm vào hợp đồng tay số tiền 808.806.586 đồng, đây là số tiền ông Q đi trả Ngân hàng thay cho ông Nh, bà L và ghi thêm vào 1750 trụ tiêu.

Đến ngày 14/6/2018 thì vợ chồng ông Q, bà D và vợ chồng ông Nh, bà L đi ra UBND xã Nam Bình lập hợp đồng chuyển nhượng theo mẫu. Tại UBND xã Nam Bình, huyện Đ do sơ suất nên chỉ lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 74, tờ bản đồ 19; diện tích 12.486,0m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 338839, địa chỉ thửa đất thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và các tài sản trên đất gồm nhà cửa, cây trồng trên đất; ghi thiếu diện tích đất khoảng 786 m² có nhà cửa và 400m² đất thổ cư thuộc thửa 100, tờ bản đồ 19. Hai bên thống nhất giá chuyển nhượng là 2.180.006.000 đồng.

Sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng xong thì các bên chuyển lên phòng đăng ký đất thì biết được ông Nh, bà L nợ một số người như ông T, bà Yến, bà Th, Ngân hàng C kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đ và bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn không cho sang tên. Ông Nh, bà L đã thỏa thuận với vợ chồng ông Q, bà D là ông Q, bà D sẽ đứng ra nhận nợ và trả nợ thay cho ông Nh, bà L các

khoản nợ rồi trừ vào số tiền ông Nh, Lan đã chuyển nhượng thì được ông Nh, Lan đồng ý.

Ông Q, bà D đưa tiền cho ông Nh, bà L trả khoản nợ tại Ngân hàng quốc tế (VIB) Đắk Lắk số tiền 810.000.000 đồng vào ngày 13/6/2018 rồi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 14/6/2018, ông Q, bà D đã trả thay khoản nợ cho anh Trần Văn T số tiền 230.000.000 đồng; ngày 25/6/2018, trả thay khoản nợ cho chị Trần Thị Y số tiền 400.000.000 đồng; ngày 25/6/2018, trả thay khoản nợ cho chị Thảo số tiền 50.000.000 đồng; ngày 25/6/2018, trả thay khoản nợ cho chị Phương số tiền 50.000.000 đồng và ngày 26/6/2018, trả thay khoản nợ của ông Nh, bà L nợ Ngân hàng C số tiền 66.239.350 đồng cho ông Nh, bà L. Các khoản thuế phải nộp là 65.000.000 đồng. Ông Nh, bà L nợ ông Q, bà D số tiền là 520.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ khấu trừ nghĩa vụ thanh toán là 2.191.239.350 đồng.

Sau khi ông Q, bà D trả nợ cho ông T, bà Th, bà Ph là chủ nợ của ông Nh, bà L thì họ rút đơn áp dụng biện pháp khẩn cấp. Ngày 26/6/2018, Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ đã đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất 74, tờ bản đồ 19; diện tích 12.486,0m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 338839, địa chỉ thửa đất thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho vợ chồng ông Q, bà D, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế.

Tuy nhiên đến nay, ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L không chịu bàn giao đất, tài sản trên đất thuộc thửa số 74, diện tích 12.886,0m², thửa 100 tờ bản đồ 19 diện tích đất 786m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 338839, địa chỉ thửa đất thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho ông Q, bà D.

Vì vậy, ông Q, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết và thực hiện việc giao tài sản là diện tích đất 12.886m² thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ số BB 338839 mang tên ông Nh, bà L nay (nay là 74 tờ bản đồ 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO966952 mang tên ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D) và công nhận hợp đồng đối với diện tích đất 786m² thuộc thửa 100 tờ bản đồ 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 338839 mang tên ông Nh, bà L, địa chỉ thửa đất thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng viết tay ngày 02/6/2018 và Hợp đồng theo mẫu ngày 14/6/2018.

Bị đơn ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L trình bày: Thực tế giữa vợ chồng ông bà và ông Q, bà D có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay vào ngày 02/6/2018 và hợp đồng theo mẫu vào ngày 14/6/2018 nhưng mục đích là để sang tên cho ông Q đi vay tiền Ngân hàng giúp vì ông Nh, bà L nợ Ngân hàng Q số tiền gốc 800.000.000 đồng và nợ ông Q, bà D 520.000.000 đồng.

Trong khi ông bà đang bị áp lực về tinh thần thì ông Q có đề nghị vợ chồng ông bà đưa tiền trả ngân hàng trước rồi sẽ làm giấy ủy quyền cho ông Q vay thêm để trả nợ bớt cho ông và đầu tư tiếp vào rẫy, hai bên ra phòng công chứng để thực hiện hợp đồng ủy quyền, tuy nhiên do, ông, bà về trước thành ra không thực hiện

được hợp đồng ủy quyền công chứng mới chỉ soạn thảo, công chứng viên chưa công chứng.

Mấy ngày sau thì ông Q vào nói do vợ ông, bà bị các hộ dân kiện nên không thực hiện được. Ông Nh, bà L có nói với ông Q là không bao giờ sang nhượng mảnh đất này vì nó là miếng đất cuối cùng của vợ ông bà và các con nhưng ông Q nói chỉ giúp thôi chứ không bao giờ có âm mưu gì, do nghĩ ông Q là người tốt nên trong lúc quá cùng quẫn cứ nghe theo sự sắp đặt của ông Q.

Mấy hôm sau, ông Q và ông Nh đi ra ủy ban trước để làm hồ sơ hợp đồng, đến gần 17 giờ thì bà L mới ra để ký vào hợp đồng, ông Q yêu cầu ký nhanh để ông đi làm thủ tục, ông bà đã ký vào hợp đồng mà không xem lại vì cứ nghĩ là ký giấy ủy quyền chứ không ngờ là hợp đồng sang nhượng đất, tài sản trên đất.

Vài ngày sau, ông Q đến gặp ông, bà và cho biết: có đơn kiện ở Tòa án và bị ngăn chặn không cho làm thủ tục sang tên và đề nghị là sẽ trả số tiền cho những hộ dân có đơn kiện thay, ông bà không đồng ý nhưng không hiểu sao ông Q lại dàn xếp và sang tên được sổ của ông, bà.

Ông, bà không đồng ý yêu cầu của vợ chồng ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D về việc giao tài sản vì là tài sản duy nhất của ông, bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày: Trước đây vợ chồng ông Nh, bà L có nợ ông số tiền 230.000.000 đồng, người nhận tiền là bà L, thời gian vay vào khoảng tháng 11/2017 đến hạn trả nợ bà L không trả, đầu tháng 6/2018, ông nghe tin bà L, ông Nh vỡ nợ thì gia đình ông có kiện ông Nh, bà L ra tòa án và đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 14/6/2018, ông nhận được điện thoại của ông Q là nói lên Ủy ban nhân dân xã Nam Bình để nói chuyện, khi ông lên UBND xã Nam Bình thì gặp ông Q, vợ chồng ông Nh, bà L sau đó ba bên thỏa thuận là số tiền 230.000.000 đồng ông Nh, bà L nợ sẽ do ông Q, bà D đứng ra trả nợ thay và yêu cầu rút đơn khởi kiện tại tòa để ông Q, bà D nhận chuyển nhượng đất của ông Nh, bà L. Ông đã đồng ý rút đơn kiện, rút yêu cầu ngăn chặn, sau đó ông Q đã trả 230.000.000 đồng cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Th trình bày: Vợ chồng ông Nh, bà L có nợ chị số tiền 100.000.000 đồng, người nhận tiền là bà L, đến hạn trả nợ bà L không trả, đầu tháng 6/2018, chị nghe tin bà L, ông Nh bán đất để tẩu tán tài sản thì gia đình chị có kiện ông Nh và đề nghị tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, sau đó chị nhận được điện thoại của ông Q là thỏa thuận là số tiền 100.000.000 đồng ông Nh, bà L nợ sẽ do ông Q, bà D đứng ra trả nợ thay, rồi yêu cầu chị rút đơn khởi kiện tại tòa để ông Q, bà D nhận chuyển nhượng đất của ông Nh, bà L, chị đã đồng ý rút đơn kiện, rút yêu cầu ngăn chặn, sau đó ông Q đã trả 50.000.000 đồng cho chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Ph trình bày: Vợ chồng ông Nh, bà L có nợ chị một số tiền, đến hạn trả nợ bà L không trả, đầu tháng 6/2018, chị nghe tin bà L, ông Nh bán đất để tẩu tán tài sản thì gia đình chị có kiện

ông Nh, bà L ra tòa án và đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ngày 14/6/2018, chị nhận được điện thoại của ông Q là thỏa thuận là số tiền 100.000.000 đồng ông Nh, bà L nợ chị sẽ do ông Q, bà D đứng ra trả thay, rồi yêu cầu chị rút đơn khởi kiện tại tòa để ông Q, bà D nhận chuyển nhượng đất của ông Nh, bà L, chị đã đồng ý rút đơn kiện, rút yêu cầu ngăn chặn, sau đó ông Q đã trả 50.000.000 đồng cho chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Y trình bày: Vợ chồng ông Nh, bà L có nợ chị số tiền 850.000.000 đồng để vay đáo hạn ngân hàng, người nhận tiền là bà L, đến hạn trả nợ bà L không trả, đầu tháng 6/2018, chị nghe tin bà L, ông Nh bán đất để tẩu tán tài sản thì chị có kiện ông Nh, bà L ra tòa án và đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Sau đó ông Q thỏa thuận là sẽ trả cho chị số tiền 400.000.000 đồng ông Nh, bà L nợ, chị có điện thoại báo cho bà L, ông Nh nhưng họ không có ý kiến gì, chị đã đồng ý rút đơn kiện, rút yêu cầu ngăn chặn, sau đó ông Q đã trả tiền 400.000.000 đồng cho chị thay bà L, ông Nh, hiện nay ông Nh, bà L chỉ còn nợ chị 450.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày: Ông Nh, bà L có nợ Ngân hàng C số tiền 66.239.350 đồng, Ngân hàng có nhận được thông tin từ tổ vay vốn cơ sở báo lên là ông Nh, bà L bán nhà trả nợ nên mặc dù chưa đến hạn nhưng phía ngân hàng đề nghị ông bà trả nợ trước, đến khi biết được ông Nh, Lan bán nhà rẫy thì Ngân hàng có công văn đề nghị tạm ngừng cho chuyển nhượng gửi Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai, ngày 26/6/2018 thì ông Nh, bà L trả trả hết số nợ cho Ngân hàng C người nộp tiền là ông Vũ Xuân Q, sau đó Ngân hàng C xin rút lại văn bản phổ hợp thu hồi nợ để tạo điều kiện cho gia đình bà tiếp tục thực hiện hợp đồng sang nhượng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Q trình bày: Năm 2017, Ngân hàng Q và vợ chồng ông Nh, bà L có ký Hợp đồng tín dụng với VIB 0934,0935 theo đó Ngân hàng cho ông Nh, bà L vay số tiền 800.000.000 đồng, thực hiện hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nh, bà L số tiền vay, ông Nh, bà L thế chấp cho Ngân hàng Q tài sản đảm bảo là thửa đất tài sản trên đất tại thôn 7 Nam Bình, huyện Đ. Ngày 13/6/2018 bà L đến Ngân hàng xin tắt toán khoản vay được Ngân hàng đồng ý, khách hàng đã trả tiền và Ngân hàng đã giao trả tài sản thế chấp cho khách hàng, người đi nhận lại tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà L.

Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 02/10/2018 và kết quả đo đạc 26/11/2018 đã xác định: Do đạc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tờ bản đồ địa chính xác định, thửa đất số 74, tờ bản đồ 19, diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.886,0m²; thửa đất số 100, tờ bản đồ 19, diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 786m².

Xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất 100 tờ bản đồ 19 xác định: Thửa đất 100 có tứ cận có tứ cận: Đông giáp đất ông B dài 15m; Tây giáp Quốc lộ 14C dài

15,1m; Nam giáp bà T dài 41,25m; Bắc giáp anh S dài 40,64m. Tổng diện tích là 786,4m². Trên diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 14,8mx5,6m = 82.88m², nền gạch men, tường xây gạch 10, cột bằng bê tông, mái lợp tôn; 01 nhà bếp 8m x 5m = 40m² có đặc điểm nhà xây bằng gạch bát, mái lợp tôn, tường xây gạch 10, cột kèo bằng gỗ; 01 bể nước có diện tích 1,4mx 1,8m cao 1,2m; 47 cây gòn trồng tiêu năm 2013; 01 giếng nước sâu 22m, đường kính 90cm có nắp đậy bê tông.

Xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất 74 tờ bản đồ 19 xác định: Thửa đất 74 có tứ cận có tứ cận: Đông giáp đất ông H dài 33,27m; Tây một phần giáp có đường đi xuống rẫy rộng 2,89m dài 44,35m giáp từ Quốc lộ 14C, một phần giáp đất anh S, ông Q ông L dài 50m; Nam giáp đất anh B dài 372,83m; Bắc giáp ông H dài 367,66. Tổng diện tích là 12,886m². Trên diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 80 trụ tiêu trồng năm 2013; 552 trụ tiêu trồng cây sống năm 2015; 1151 cây tiêu trồng năm 2016; 1783 cây gòn trụ tiêu leo; 02 cây bơ trồng năm 2015, 01 cây bơ trồng năm 2011, 03 cây bơ trồng năm 2009, 10 cây bơ trồng năm 2017; 02 cây sầu riêng trồng năm 2011 và 01 ao nước tưới diện tích 16mx26m sâu 2,5m

Tại biên bản định giá xác định tổng giá trị đất, tài sản trên thửa đất số 100 tờ bản đồ 19 là 537.632.000 đồng.

Tổng giá trị đất, tài sản trên thửa đất số 74 tờ bản đồ 19 là 1.220.447.000 đồng.

Tổng hai thửa đất 74 và thửa 100 tờ bản đồ 19 và tài sản trên đất có giá 1.758.079.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1,2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 129; Điều 117, Điều 500, 501, 502, Điều 503 của Bộ luật dân sự; Điều 79, Điều 167 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D:

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập theo mẫu ngày 14/6/2018 giữa ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L với ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D đối với thửa đất 74 tờ bản đồ 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB338839 mang tên ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L (nay là 74 tờ bản đồ 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO966952 mang tên ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D) đất có tứ cận: Đông giáp đất ông H dài 33,27m; Tây một phần giáp có đường đi xuống rẫy rộng 2,89m dài 44,35m giáp từ Quốc lộ 14C, một phần giáp đất anh S, ông Q ông L dài 50m; Nam giáp đất anh B dài 372,83m; Bắc giáp ông H dài 367,66m. Tổng diện tích là 12,874m².

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 02/6/2018 giữa ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L với ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D đối với thửa đất 100 tờ bản đồ 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB338839 mang tên ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L; có tứ cận phía Đông giáp đất ông B dài 15m; Tây giáp Quốc lộ 14C dài 15,1m; Nam giáp bà T dài 41,25m; Bắc giáp anh S dài 40,64m. Tổng diện tích là 768,4m².

Buộc ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao 01 lô đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/06/2018, lô đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB338839 mang tên ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L; đất có tứ cận phía đông giáp Đông giáp đất ông H dài 33,27m; Tây một phần giáp có đường đi xuống rẫy rộng 2,89m dài 44,35m giáp từ Quốc lộ 14C, một phần giáp đất anh S, ông Q ông L dài 50m; Nam giáp đất anh B dài 372,83m; Bắc giáp ông H dài 367,66. Tổng diện tích là 12,874m² và tài sản trên đất có 80 trụ tiêu trồng năm 2013; 552 trụ tiêu trồng cây sồng năm 2015; 1151 cây tiêu trồng năm 2016; 1783 cây gòn trụ tiêu leo; 02 cây bơ trồng năm 2015, 01 cây bơ trồng năm 2011, 03 cây bơ trồng năm 2009, 10 cây bơ trồng năm 2017; 02 cây sầu riêng trồng năm 2011 và 01 ao nước tưới diện tích 16mx26m sâu 2,5m.

Buộc ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao 01 lô đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 02/06/2018, lô đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ 19, đất có tứ cận phía đông giáp đất ông B dài 15m; Tây giáp Quốc lộ 14C dài 15,1m; Nam giáp bà T dài 41,25m; Bắc giáp anh S dài 40,64m. Tổng diện tích là 768,4m². Trên diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 14,8mx5,6m = 82,88m², nền gạch men, tường xây gạch 10, cột bằng bê tông, mái lợp tôn; 01 nhà bếp 8m x 5m = 40m² có đặc điểm nhà xây bằng gạch bát, mái lợp tôn, tường xây gạch 10, cột kèo bằng gỗ; 01 bể nước có diện tích 1,4mx 1,8m cao 1,2m; 47 cây gòn trồng tiêu năm 2013; 01 giếng nước sâu 22m, đường kính 90cm có nắp đậy bê tông. Ông Nh, bà L, ông Q, bà D có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục sang tên phần đất đã nhượng thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ 19. Nếu phía ông Nh, bà L gây khó khăn thì ông Q, bà L được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai để làm thủ tục để sang tên, đăng ký quyền sử dụng đất. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất các thửa đất nói trên cho Quang bà D theo quy định pháp luật.

(Đặc điểm về đất và tài sản trên đất như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2018 và kết quả đo đạc ngày ngày 26/11/2018).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/4/2019, bị đơn ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số 06/2019/DSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đối với diện tích tại thửa số 100 tờ bản đồ 19 cho phù hợp với thực tế.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 02/6/2018, ông Nh, bà L và ông Q, bà D ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay với nội dung chuyển nhượng nhà ở và đất thổ cư có chiều ngang mặt đường liên xã khoảng 15m, chiều dài mặt đường vào sâu khoảng 50m, tài sản gắn liền với đất 400m² thổ cư 01 căn nhà xây cấp 4, 01 nhà ngang diện tích 150m² đã thanh toán toàn bộ số tiền 808.806.586 đồng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Ngày 14/6/2018, ông Nh, bà L và ông Q, bà D lại ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo mẫu đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ 19, diện tích 12.886m² với giá tiền là 2.180.006.000 đồng có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Cả 2 thửa đất trên đều tọa lạc tại xã N, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB338839 ngày 28/7/2010 đứng tên ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L.

[2.2] Xét hợp đồng viết tay ngày 02/6/2018, mặc dù việc chuyển nhượng chưa tuân thủ về hình thức nhưng đối với hợp đồng này, ông Q bà D đã thanh toán

đầy đủ số tiền 808.806.586 đồng do đó theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015: *“Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực”* nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Xét hợp đồng ngày 14/6/2018 thì giá chuyển nhượng là 2.180.006.000 đồng, đối với hợp đồng này ông Q, bà D mới thanh toán cho ông Nh, bà L số tiền là 1.316.329.350 cụ thể: căn trừ số tiền ông Nh, bà L nợ ông Q 520.000.000 đồng; ông Q trả các khoản nợ của ông Nh, bà L thay cho ông T 230.000.000 đồng, bà Yến 400.000.000 đồng, bà Th 50.000.000 đồng, bà Phượng 50.000.000 đồng, Ngân hàng C chi nhánh Đắk Song 66.329.350 đồng. Tuy nhiên, hợp đồng này đã hoàn thành và được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông sang tên cấp Giấy chứng nhận số CO 966952 ngày 29/10/2018 đứng tên ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D do đó hợp đồng này đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 503 Bộ luật dân sự 2015.

[2.4] Ông Nh và bà L cho rằng: *“ông bà ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay vào ngày 02/6/2018 và hợp đồng theo mẫu vào ngày 14/6/2018 là do ông bà không đọc, cứ nghĩ là làm hợp đồng ủy quyền cho ông Q để vay ngân hàng, việc ông Q tự ý trả nợ cho bà Yến 400.000.000 đồng, bà Th 50.000.000 đồng, bà Ph 50.000.000 đồng, Ngân hàng Chính sách chi nhánh Đắk Song 66.329.350 đồng ông, bà không đồng ý”*, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày trên là không có căn cứ bởi lẽ: ông Nh, bà L khi ký 02 hợp đồng trên không bị ép buộc và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bên cạnh đó ông bà cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, trong khi đó theo Biên bản làm việc ngày 20/8/2018 (Bl 31) của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song với ông Vũ Ngọc Dương – phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Bình, là người ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/6/2018 giữa 2 bên, đã xác nhận: *“Sau khi làm hợp đồng chuyển nhượng và đọc lại rồi hai bên đồng ý ký vào hợp đồng, việc ký kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên ông mới ký chứng thực”*. Tại cấp sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, bà Yến, bà Th và bà Ph đều trình bày: khi ông Q nhận trả thay, bà Yến có điện thoại nói cho ông Nh, bà L biết và ông bà không có ý kiến gì; còn bà Th và bà Ph có đến nhà ông Nh, bà L nói chuyện và đòi số tiền nợ còn lại thì ông Nh, bà L cũng không có ý kiến gì; các lời khai trên là phù hợp với lời trình bày của ông Q. Riêng đối với số tiền ông Q tự trả Ngân hàng C chi nhánh Đắk Song, mặc dù ông Q không nói cho ông Nh, bà L nhưng xét thấy việc trả nợ trên là có lợi cho ông bà và được ngân hàng chấp nhận nên tất cả số tiền trên là tiền ông Q thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/6/2018.

[2.5] Xét lời trình bày của ông Q cho rằng ngày 14/6/2018, vợ chồng ông Q, bà D và vợ chồng ông Nh, bà L lập hợp đồng chuyển nhượng tại UBND xã Nam Bình, huyện Đ đối với thửa đất 74, tờ bản đồ 19; diện tích 12.486,0m² và cả diện tích đất khoảng 786 m² thuộc thửa 100, tờ bản đồ 19, nhưng do sơ suất nên chỉ ghi trong hợp đồng đối với diện tích 12.486 m², ghi thiếu diện tích 786 m² với giá chuyển nhượng cả hai thửa là 2.180.006.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày trên là không có căn cứ, bởi lẽ: trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 02/6/2018 thể hiện: “*ông Nh, bà L chuyển nhượng cho ông Q, bà D diện tích đất có chiều ngang mặt đường khoảng 16m, chiều dài khoảng 50m với giá 808.806.586 đồng và ông Q, bà D đã thanh toán số tiền trên*” và hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/6/2018 thể hiện: “*ông Nh, bà L bán chuyển nhượng cho ông Q, bà D diện tích 12886m² với giá 2.180.006.000 đồng.*” Như vậy, ông Q cho rằng số tiền 2.180.006.000 đồng là bao gồm việc chuyển nhượng với thửa đất 74, tờ bản đồ 19; diện tích 12.486,0m² và cả diện tích đất khoảng 786 m² thuộc thửa 100, tờ bản đồ 19 là không phù hợp với thực tế, vì hai hợp đồng trên là riêng biệt, độc lập với nhau, ông cho rằng do sơ suất nên ghi thiếu diện tích 786 m² nhưng không có căn cứ chứng minh. Do đó, đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy viết tay ngày 02/6/2018 bên mua ông Q đã thanh toán xong; đối với hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/6/2018 đã làm thủ tục sang tên nhưng ông Q mới thanh toán cho ông Nh, bà L số tiền 1.316.329.350 đồng (*thông qua việc trả nợ cho bà ông T, bà Ph, bà Th, bà Yén, ngân hàng Chính sách thay cho ông Nh, bà L và trừ số tiền 520.000.000 đồng mà ông Nh, bà L còn nợ ông Q*), số tiền còn lại chưa thanh toán nhưng do ông Nh, bà L không có yêu cầu phản tố nên không xem xét giải quyết trong vụ án, ông Nh, bà L có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Đối với 65.000.000 đồng ông Q cho rằng đó là tiền thuế và các khoản lệ phí phải nộp, ông đã bỏ ra nên trừ vào số tiền chuyển nhượng. Tuy nhiên, căn cứ hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/6/2018, theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng thì ông Q phải chịu nên không thể trừ vào nghĩa vụ thanh toán.

[2.6] Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Song xác định: diện tích đất thửa 100, tờ bản đồ 19 chỉ còn 613,9m². Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tiến hành xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Song theo Biên bản xác minh ngày 01/8/2019 thể hiện như sau: “*diện tích 154,5m² thuộc hành lang giao thông trong mảng trích đo địa chính ngày 26/11/2018 không nằm trong diện tích 786 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB338839 mang tên ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L; diện tích 613,9m² theo mảng trích đo địa chính ngày 26/11/2018 là ít hơn so với diện tích 786 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB338839 mang tên ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L là do hiện trạng đất thay đổi...*”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nh, bà L phải giao cho ông Q thửa đất 100, tờ bản đồ số 19, diện tích 768,4m² là chưa đúng với kết quả xem xét đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Song và Biên bản xác minh

của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xác định diện tích thực tế thửa 100 tờ bản đồ 19 là 613,9 m², còn 154,5m² là đất thuộc hành lang an toàn giao thông, không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Nh, bà L; đồng thời trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm tuyên: phía Tây một phần giáp con đường đi xuống rẫy là chưa đúng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì diện tích này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO966952 cấp cho ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D do đó cần sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp với thực tế.

[2.7] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L nhưng cần sửa một phần bản án sơ thẩm cho phù hợp với thực tế và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Q, bà D.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L không phải chịu án dân sự phúc thẩm, trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song cho ông Nh, bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1,2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 129; Điều 117, Điều 500, 501, 502, Điều 503 của Bộ luật dân sự; Điều 79, Điều 167 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D:

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập theo mẫu ngày 14/6/2018 giữa ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L với ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D đối với thửa đất 74 tờ bản đồ 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB338839 mang tên ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L (nay là thửa 74 tờ bản đồ 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO966952 mang tên ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D) đất có tứ cận: Đông giáp đất ông H dài 33,27m; Tây một phần giáp Quốc lộ 14C (rộng 2,89m dài 44,35m), một phần giáp đất anh S, ông Q ông L dài 50m; Nam giáp đất anh B dài 372,83m; Bắc giáp ông H dài 367,66m. Tổng diện tích là 12,874m².

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 02/6/2018 giữa ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L với ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D đối

với thửa đất 100 tờ bản đồ 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB338839 mang tên ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L; có tứ cận phía Đông giáp đất ông B dài 15m; Tây giáp Quốc lộ 14C dài 15,1m; Nam giáp bà T dài 41,25m; Bắc giáp anh S dài 40,64m. Tổng diện tích là 613,9 m².

(Kèm theo mảng trích đo địa chính ngày 26/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Song)

Buộc ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao 01 lô đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/06/2018, lô đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO966952 mang tên ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D; đất có tứ cận phía đông giáp Đông giáp đất ông H dài 33,27m; Tây một phần giáp Quốc lộ 14C (rộng 2,89m dài 44,35m), một phần giáp đất anh S, ông Q ông L dài 50m; Nam giáp đất anh B dài 372,83m; Bắc giáp ông H dài 367,66. Tổng diện tích là 12,874m² và tài sản trên đất có 80 trụ tiêu trồng năm 2013; 552 trụ tiêu trồng cây sống năm 2015; 1151 cây tiêu trồng năm 2016; 1783 cây gòn trụ tiêu leo; 02 cây bơ trồng năm 2015, 01 cây bơ trồng năm 2011, 03 cây bơ trồng năm 2009, 10 cây bơ trồng năm 2017; 02 cây sầu riêng trồng năm 2011 và 01 ao nước tưới diện tích 16mx26m sâu 2,5m.

Buộc ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao 01 lô đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 02/06/2018, lô đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ 19, đất có tứ cận phía đông giáp đất ông B dài 15m; Tây giáp Quốc lộ 14C dài 15,1m; Nam giáp bà T dài 41,25m; Bắc giáp anh S dài 40,64m. Tổng diện tích là 613,9 m². Trên diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 14,8mx5,6m = 82.88m², nền gạch men, tường xây gạch 10, cột bằng bê tông, mái lợp tôn; 01 nhà bếp 8m x 5m = 40m² có đặc điểm nhà xây bằng gạch bát, mái lợp tôn, tường xây gạch 10, cột kèo bằng gỗ; 01 bể nước có diện tích 1,4mx 1,8m cao 1,2m; 47 cây gòn trồng tiêu năm 2013; 01 giếng nước sâu 22m, đường kính 90cm có nắp đậy bê tông. Ông Q, bà D có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục sang tên phần đất đã nhượng thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ 19. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất các thửa đất nói trên cho Quang bà D theo quy định pháp luật.

(Đặc điểm về đất và tài sản trên đất như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2018 và kết quả đo đạc ngày ngày 26/11/2018).

2. *Về chi phí tố tụng:* Buộc ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: là 8.443.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng*). Ông Vũ Xuân Q, bà Trần Thị D đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên cần buộc ông Nh, bà L phải hoàn trả lại cho ông Q, bà D số tiền 8.443.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng*)

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Vũ Thế N, bà Đỗ Thị L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Vũ

Xuân Q, bà Trần Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.800.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 004362 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả cho ông Vũ Thế N và bà Đỗ Thị L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Song theo Biên lai số 0004802 ngày 19/4/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đăk Song;
- Chi cục THA.DS huyện Đăk Song;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Xuân Chiến

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Hương Nguyễn Văn Thuyên

Nguyễn Xuân Chiến

